

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Kệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2018/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1993 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Đặng Chí N, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm B, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2018 cùng các văn bản khác và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2016, bà và ông Đặng Chí N chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau vào ngày 21/11/2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn hàng ngày trong cuộc sống gia đình, đời sống hôn nhân không mang lại

hạnh phúc. Hiện bà và ông N không còn sống chung với nhau từ tháng 8/2018 cho đến nay. Xét thấy không có khả năng tự hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà L yêu cầu ly hôn với ông N. Về con chung, có 01 người tên là Đặng Gia Đ (giới tính nam), sinh ngày 06/10/2017. Hiện con chung đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giữa bà L và ông N thỏa thuận là tiếp tục giao con chung cho bà L nuôi, ông N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận; về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/10/2018, bị đơn là ông Đặng Chí N trình bày:

Về hôn nhân, việc chung sống có đăng ký kết hôn và mâu thuẫn đúng như bà Lê Thị L trình bày. Do quá trình sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Về con chung, có 01 người đúng như bà L trình bày, hiện con chung giữa ông và bà L thỏa thuận là ông đồng ý giao cho bà L tiếp tục nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Đồng thời ông yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Chính quyền địa phương khóm B, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau xác định: Trường hợp giữa bà Lê Thị L và ông Đặng Chí N chung sống với nhau tại địa phương khi cả hai người phát sinh mâu thuẫn không thông báo và cũng không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nên không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Lê Thị L ly hôn với ông Đặng Chí N. Về con chung, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung bà Lê Thị L nuôi, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên không đề nghị đặt ra xử lý. Về án phí buộc bà Lê Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Lê Thị L yêu cầu ly hôn với ông Đặng Chí N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đặng Chí N yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Đặng Chí N là có căn cứ.

[2]. Xét về hôn nhân, bà Lê Thị L và ông Đặng Chí N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân

và gia đình. Vì vậy, hôn nhân giữa bà L và ông N được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Lê Thị L và ông Đặng Chí N được công nhận là vợ chồng.

Về mâu thuẫn, cả hai thống nhất xác định trong quá trình chung sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ. Hiện tại cả hai không còn chung sống với nhau và không thể hòa giải, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Bà L yêu cầu ly hôn, ông N đồng ý ly hôn, đồng thời ông N yêu cầu được giải quyết vắng mặt. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của cả hai người không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ cho bà Lê Thị L ly hôn với ông Đặng Chí N.

[3]. Về con chung, cả hai người thống nhất xác định có 01 người con chung tên là Đặng Gia Đ (giới tính nam), sinh ngày 06/10/2017, qua thỏa thuận giữa bà L và ông N là giao cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, đồng thời cả hai thống nhất thỏa thuận về người nuôi con và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nên việc giao con chung cho bà L nuôi là hoàn toàn phù hợp. Xét thấy sự thỏa thuận này phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận. Từ đó, công nhận sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa bà L và ông N là có căn cứ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Bà L và ông N yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xử lý.

[5]. Về nợ chung: Bà L và ông N là không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xử lý là phù hợp.

[6]. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình bà Lê Thị L phải chịu theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị L ly hôn với ông Đặng Chí N.
2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Giao Đặng Gia Đ (giới tính nam), sinh ngày 06/10/2017 cho bà Lê Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đặng Chí N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị L về việc không yêu cầu ông Đặng Chí N cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đặng Chí N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Lê Thị L đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007315, ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA(Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);
- UBND N, huyện Phú Tân.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước